

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 20 - 9 - 2022.

V/v: Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích – Thư ký Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022: Về vụ án kiện xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST – HNGĐ ngày 28/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24a/2022/QĐST – HNGĐ ngày 26/8/2022 giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Hồng L - Sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Khu tập thể A7, phòng 409, phố Ng, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

* *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn U - Sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Xóm 01, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh U.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 29/11/2021 cũng như lời khai của nguyên đơn là chị Vũ Thị Hồng L trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Đoàn Văn U vào tháng 03/2002 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi được cấp đăng kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Nguyên

nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh U không tu chí làm ăn thường xuyên chơi bời không quan tâm đến gia đình và đã bị xử lý hình sự, sau khi chấp hành xong anh U vẫn không thay đổi từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, mặc dù được gia đình hai bên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, do không thể hàn gắn vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2020, trong thời gian vợ chồng ly thân, anh U không quan tâm đến chị và con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh U là không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Đoàn Văn U. Về con chung chị xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Đoàn Thị Nhật L sinh ngày 08/8/2001 hiện đã trưởng thành, tự lập được; cháu Đoàn Vũ D, sinh ngày 02/01/2007 kể từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn chị xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh U phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Về tài sản chung chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đoàn Văn U mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh cố tình không nhận và không cho gia đình nhận thay. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện N cùng với chính quyền xã N đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị Hồng L và anh Đoàn Văn U; Về con giao cháu Đoàn Vũ D, sinh ngày 02/01/2007 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh U không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L, tài sản chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị L phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đoàn Văn U đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã N huyện N, tỉnh Nam Định, nay chị L có đơn xin ly hôn anh U, Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Đoàn Văn U đã được tổng đạt và niêm yết giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng tại phiên tòa hôm nay anh U vắng mặt và là lần vắng mặt thứ hai không có lý do vì vậy Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt anh U là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Vũ Thị Hồng L và anh Đoàn Văn U vào tháng 03/2002 được UBND xã N cấp đăng ký kết hôn là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, trong sinh hoạt anh U không chịu làm ăn, rượu chè không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát cãi chửi nhau. Mặc dù được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không thành vợ chồng ly thân nhau từ năm 2020, trong thời gian ly thân cả hai không quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, anh U đã biết nhưng cố tình không hợp tác giải quyết vụ án Tòa án và chính quyền xã N đã phải niêm yết công khai. Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vũ Thị Hồng L và anh Đoàn Văn U ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng vẫn không đạt kết quả do vậy khả năng đoàn tụ không còn, nay chị L xin ly hôn anh U xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị Hồng L xác định giữa chị và anh U có hai con chung là cháu Đoàn Thị Nhật L, sinh ngày 08/8/2001 hiện đã trưởng thành, tự lập được; cháu Đoàn Vũ D, sinh ngày 02/01/2007 kể từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng anh U không quan tâm gì. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu D và không yêu cầu anh U phải đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu D cùng chị. Hội đồng xét xử thấy: Nguyện vọng của chị L là hoàn toàn chính đáng, kể từ khi ly thân con chung do chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Mặt khác cháu D cũng có nguyện vọng xin được ở với chị L nên được chấp nhận. Chị L không yêu cầu anh U phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Vũ Thị Hồng L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Vũ Thị Hồng L phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ các Điều 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ các Điều 6 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1 - Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị Hồng L và anh Đoàn Văn U.

2 - Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Đoàn Vũ D, sinh ngày 02/01/2007 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh U không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Vũ Thị Hồng L phải nộp 300.000đ, số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp theo biên lai số 0000653 ngày 18/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N được đối trừ, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương